TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 56/2022/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 30 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, các khoản 1,2,3 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 58/2022/TLST- HNGĐ ngày 16-5-2022 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Lê Thị H, sinh năm: 1999

Địa chỉ: thôn S, xã A, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

2. Anh Lê Trường G, sinh năm: 2000

Địa chỉ: tổ 8, khu 1, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị H và anh Lê Trường G tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 30-11-2020. Nên hôn nhân giữa chị H và anh G là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị H và anh G sống hạnh phúc đến tháng 01-2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống, xuyên cãi vã, vợ chồng không tôn trọng nhau dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Chị H và anh G đã sống ly thân từ tháng 02-2021 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, chị H và anh G đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng và cùng có đơn yêu cầu Toà án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh G. Xét

thấy, việc chị H và anh G thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: chị Lê Thị H và anh Lê Trường G có 01 con chung là Lê Anh T, sinh ngày 14-8-2019. Ly hôn, chị H và anh G thoả thuận giao con chung là Lê Anh T cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng vào giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy, việc thoả thuận nêu trên giữa chị H và anh G là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1,2,3 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: chị H và anh G thỏa thuận chị H và anh G không có tài sản gì chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Việc thỏa thuận nêu trên giữa chị H và anh G là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: chị H và anh G thoả thuận chị H có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 20-5-2022), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị H và anh Lê Trường G thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị Lê Thị H và anh Lê Trường G có 01 con chung là Lê Anh T, sinh ngày 14-8-2019. Ly hôn, chị Lê Thị H và anh Lê Trường G thoả thuận giao con chung là Lê Anh T cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh Lê Trường G không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lê Trường G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng vào giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: chị Lê Thị H và anh Lê Trường G thỏa thuận chị H và anh G không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: chị Lê Thị H và anh Lê Trường G thỏa thuận chị H và anh G không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Lê Thị H và anh Lê Trường G thỏa thuận chị Lê Thị H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* lệ phí yêu cầu giải

quyết việc dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng lệ phí chị Lê Thị H đã nộp theo biên lai thu số 0000699 ngày 16-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Chị H đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND xã A;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga